

Bản án số: 04/2017/KDTM-ST
Ngày 29/5/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Bá Đăng;

+ Ông Bùi Sỹ Sơn;

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huyền - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 29/05/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 01/2017/TLST- KDTM ngày 10 tháng 01 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐXX-ST ngày 10/04/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, địa chỉ trụ sở chính: đường L, phường X, quận P, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

(1). Ông Trần Huy N- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Thái Bình. Vắng mặt.

(2). Ông Phạm Thanh P - Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, Chi nhánh Thái Bình. Có mặt.

(Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 11 năm 2016).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T; địa chỉ: Xóm 5, thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn K; chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1968; Địa chỉ: Xóm 5, thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

- Bà Đoàn Thị N2, sinh năm 1966; Địa chỉ: Xóm 5, thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt - có đơn xin xử vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của bà N2 là ông K - Có mặt. (Văn bản ủy quyền ngày 10/3/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 11 năm 2016, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ trình bày: Ngày 29/11/2013, Chi nhánh Thái Bình thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã ký Hợp đồng tín dụng số H0580/1/HĐTD với bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn (sau đây viết là TNHH) T. Tiếp đó, ngày 29/11/2014 hai bên ký phụ lục hợp đồng tín dụng số 09101H0743/1/ PLHĐTD; ngày 10/12/2014, ký hợp đồng vay vốn số 09101H0743/1/HĐVV. Nội dung: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Thái Bình cấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T vay số tiền 850.000.000 đồng; lãi suất trong hạn: 10,5%/năm; lãi suất quá hạn: bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn.

Ngày 02/12/2013, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông K, bà N2 đã ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số H0580/1/HĐTC-02; sau đó ngày 09/12/2014, ký hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp/cầm cố số 0910H0743/1/HĐTC- 02/PLHĐTC. Theo hai hợp đồng này thì tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 423460 do Ủy ban nhân dân huyện T3 cấp ngày 20 tháng 08 năm 2010 chủ sử dụng/sở hữu là vợ chồng ông K và bà N2; diện tích thửa đất là 460m² (trong đó có 400m² đất ở và 60m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 1 tờ bản đồ số 01-10TĐ, tỷ lệ: 1: 1000; địa chỉ thửa đất: Xóm 5, thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình và toàn bộ tiền tài sản phát sinh theo tài sản thế chấp.

Thực hiện hợp đồng trên, ngày 10/12/2014, bị đơn đã ký giấy nhận nợ; đã lập ủy nhiệm chi; cùng ngày nguyên đơn đã chuyển khoản số tiền 850.000.000 đồng cho khách hàng theo ủy nhiệm chi của bị đơn.

Quá trình trả nợ: Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 625.194.897 đồng; trong đó đã trả nợ gốc: 565.000.000 đồng; đã trả xong toàn bộ nợ lãi trong hạn: 45.120.834 đồng; đã trả lãi quá hạn: 15.074.063 đồng. Hiện nay, bị đơn còn nợ gốc 285.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 76.059.372 đồng (tính đến 29/5/2017); cộng: 361.059.372 đồng.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Buộc bị đơn phải trả nợ nguyên đơn số tiền: Tiền nợ gốc là 285.000.000,đồng; nợ lãi quá hạn: 76.059.372 đồng (tính đến 29/5/2017); cộng: 361.059.372 đồng.

- Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

- Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn thì bị đơn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

- Bị đơn phải tiếp tục chịu lãi sau khi tuyên án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu buộc bị đơn và ông K, bà N2 phải chịu các chi phí phát sinh như: án phí, thẩm định giá tài sản, bán đấu giá tài sản.

Tại bản tự khai ngày 10/3/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của bị đơn (Công ty Trách nhiệm hữu hạn T) là ông K thống nhất với lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc các bên đã ký kết các hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng, hợp đồng vay vốn; về việc bị đơn đã nhận đủ số tiền gốc 850.000.000 đồng; về việc bị đơn còn nợ nguyên đơn số nợ gốc là 285.000.000 đồng và khoản lãi quá hạn. Bị đơn trình bày chưa trả được nợ là do gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh. Bị đơn đồng ý trả nợ gốc và lãi quá hạn cho nguyên đơn; đồng ý để nguyên đơn phát mãi tài sản thế chấp. Sau khi nguyên đơn đã xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì bị đơn không đồng ý trả phần còn thiếu vì khi vay nguyên đơn đã yêu cầu thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay nên khi nguyên đơn xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì phần còn thiếu nguyên đơn phải chịu; không thể yêu cầu bị đơn trả tiếp nữa.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn đồng ý thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc: 285.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 76.059.372 đồng; cộng: 361.059.372 đồng. Đồng ý yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm của nguyên đơn; đồng ý tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn khi tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Bị đơn đề nghị nguyên đơn giảm khoản lãi cho bị đơn.

Tại các bản tự khai ngày 10/3/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi liên quan đến vụ án là ông K, bà N2 thống nhất với nguyên đơn về việc vợ chồng ông K, bà N2 đã ký với nguyên đơn các hợp đồng thế chấp bất động sản và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp/cầm cố; thống nhất về tài sản thế chấp. Trường hợp bị đơn không trả được khoản nợ cho nguyên đơn thì ông bà đồng ý để nguyên đơn phát mãi tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ. Các chi phí phát sinh như: án phí, thẩm định giá tài sản, bán đấu giá tài sản thì ý kiến của ông bà là các vấn đề này được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/03/2017, các đương sự đã thống nhất:

- Bị đơn đồng ý trả nguyên đơn số tiền nợ gốc 285.000.000 đồng và số nợ lãi quá hạn.

- Ông K, bà N2 đồng ý đề nguyên đơn xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ của Công ty TNHH T.

- Trường hợp tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả nợ; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông K, bà N2 không chấp nhận yêu cầu này.

- Các yêu cầu khác của nguyên đơn thì bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do hòa giải không thành nên vụ án phải đưa ra xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đúng quy định của pháp luật tổ tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền 361.059.372 đồng nợ gốc và lãi quá hạn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tổ tụng:** Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH T trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T3, tỉnh Thái Bình. Tòa án nhân dân huyện T3, tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Bà N2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có văn bản ủy quyền cho ông K. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà N2.

[2]. **Về yêu cầu của nguyên đơn:**

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc 285.000.000 đồng và khoản nợ lãi quá hạn 76.059.372 đồng; cộng là 361.059.372 đồng theo hợp đồng tín dụng số H0580/1/HĐTD ngày 29/11/2014; phụ lục hợp đồng tín dụng số 09101H0743/1/PLHĐTD ngày 29/11/2014; hợp đồng vay vốn số 09101H0743/1/HĐVV ngày 10/12/2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn xác định số nợ gốc như nguyên đơn trình bày; tại phiên tòa, bị đơn không phản đối yêu cầu thanh toán số nợ lãi quá hạn do nguyên đơn trình bày. Căn cứ Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn còn nợ nguyên đơn số nợ gốc 285.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 76.059.372 đồng. Tại phiên tòa, bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số nợ gốc và lãi như yêu cầu của nguyên đơn. Cần áp dụng Điều 471; Điều

476 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số nợ gốc 285.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn 76.059.372 đồng; cộng là 361.059.372 đồng.

- Nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng diện tích 460m² đất và tài sản trên đất tại thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình của vợ chồng ông K và bà N2 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số H0580/1/HĐTC - 02 ngày 02/12/2013; hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp/cầm cố số 09101H0743/1/HĐTC - 02/PLHĐTC ngày 09/12/2014 giữa nguyên đơn với ông K bà N2. Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn và ông K bà N2 đã thống nhất xác định tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp bất động sản hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp/cầm cố đã ký. Đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khi Tòa án hòa giải, ông K bà N2 đồng ý để nguyên đơn xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông K là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà N2 đồng ý để nguyên đơn xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Vì vậy, cần áp dụng Điều 355; Điều 336; Điều 338 Bộ luật Dân sự năm 2015 về xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng giữa nguyên đơn với ông K bà N2.

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn trong trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điểm đ; Điểm e Khoản 9.2 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số H0580/1/HĐTD ngày 29/11/2014 giữa nguyên đơn và bị đơn. Khi ký hợp đồng các đương sự tự nguyện thỏa thuận nên bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ bảo đảm nợ vay đã cam kết trong hợp đồng tín dụng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải tiếp tục trả nợ nguyên đơn trong trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu lãi sau khi tuyên án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng. Tại phiên tòa, bị đơn đề nghị nguyên đơn giảm lãi nhưng nguyên đơn không chấp nhận. Xét yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điểm đ; Điểm e Khoản 9.2 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số H0580/1/HĐTD nêu trên nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi sau khi tuyên án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

- Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn và ông K bà N2 phải chịu mọi chi phí phát sinh như án phí, chi phí thẩm định giá, chi phí đấu giá tài sản. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Trước đây, nguyên đơn yêu cầu là ghi theo hợp đồng, nay nguyên đơn xin rút yêu cầu này. Theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: *“Trường hợp có đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hoặc toàn bộ*

yêu cầu đương sự đã rút”. Vì vậy, cần chấp nhận xin rút đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn.

[3].**Về án phí:** Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 361.059.372, đồng được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh và thương mại với mức thu là 18.052.968 đồng (5% của giá trị tranh chấp).

Trả lại nguyên đơn số tiền 8.385.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000870 ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Chi Cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 471; Điều 476; Điều 342; Điều 351; Điều 352; Điều 353; Điều 355; Điều 336; Điều 338 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng;

Điểm c, Điểm d Khoản 2 Điều 24; Điểm d, Điểm đ; Điểm e Khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo quyết định số 1627/2001/QĐ- NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điểm b Khoản 1 Điều 3; Điểm b Khoản 1, Khoản 3 Điều 24; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1). Tuyên xử:

(1). Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T, địa chỉ: Xóm 5, thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình phải trả cho nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ do Chi nhánh Thái Bình làm đại diện số tiền là 361.059.372 đồng (Ba trăm sáu mươi một triệu không trăm năm mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng) gồm: Nợ gốc: 285.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn 76.059.372 đồng;

(2). Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T không thanh toán xong nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ do Chi nhánh Thái Bình làm đại diện có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số H0580/1/HĐTC-02 ngày 02/12/2013 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ với vợ chồng ông K và bà N2 được đăng ký tại Ủy ban nhân dân huyện T3 ngày 02 tháng 12 năm 2013; hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp/cầm cố số 0910H0743/1/HĐTC- 02/PLHĐTC ngày 09/12/2014 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ với vợ chồng ông K và bà N2 được đăng ký tại Ủy ban nhân dân huyện T3 ngày 09 tháng 12 năm 2014.

Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 423460 do Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy cấp ngày 20 tháng 08 năm 2010 mang tên ông K và bà N2; diện tích thửa đất là 460m² (trong đó có 400m² đất ở và 60m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 1 tờ bản đồ số 01-10TĐ, tỷ lệ: 1: 1000; địa chỉ thửa đất: xóm 5, thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình và toàn bộ tiền tài sản được đền bù do TSTC bị quy hoạch, giải tỏa một phần hoặc toàn bộ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; phần giá trị tăng lên do sửa chữa nâng cấp TSTC; Toàn bộ số tiền, tài sản được bồi thường thiệt hại đối với TSTC từ bên thứ ba; Toàn bộ hoa lợi lợi tức và các quyền phát sinh từ TSTC; Tài sản khác gắn liền với đất, kể cả tài sản hình thành trong tương lai từ TSTC; khoản tiền bảo hiểm trong trường hợp TSTC được bảo hiểm; và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

(3). Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bị đơn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

(4). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm vụ án, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số H0580/1/HĐTD ngày 29/11/2014; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 09101H0743/1/PLHĐTD ngày 29/11/2014; Hợp đồng vay vốn số 09101H0743/1/HĐVV ngày 10/12/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

(5). Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn, ông K và bà N2 phải chịu mọi chi phí phát sinh như án phí, chi phí thẩm định giá, chi phí đấu giá tài sản; nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2.Về án phí:

-Bị đơn là Công ty TNHH T phải chịu 18.052.968 đồng (Mười tám triệu không trăm năm mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng) án phí sơ thẩm.

-Trả lại nguyên đơn số tiền 8.385.000 đồng (Tám triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000870 ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Chi Cục Thi hành án huyện T3, tỉnh Thái Bình.

3.Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn, bị đơn, người đại diện của bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

TRẦN VĂN TÙNG